TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21/8/2024.
V/v:Tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Dương.
Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư kýTòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 158/2024/TLST- HNGĐ ngày 06tháng 6 năm 2024 về việc " *Tranh chấp vềly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/8/2024giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1973. Có mặt,.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, bản tự khai ngày 10/6/2024 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Thị T thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy T1tự nguyện kết hôn với nhau được UBND xã Hcấp đăng ký kết hôn ngày 03/01/1995. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng. Hai người đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chịđược ly hôn anh T1.

Về con: Chị Lê Thị Tvà anh Nguyễn Duy T1có ba con chunglàNguyễn Thị C,

sinh ngày 10/9/1995, Nguyễn Thị P, sinh ngày 03/01/2000 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/3/2005. Hiện nay cả ba cháu đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 08/7/2024, quá trình giải quyết vụ ánvà lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy T1 trình bày:

*Về hôn nhân:*Anhvà chịLê Thị Ttự nguyện kết hôn ngày 03/01/1995. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do con gái làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ nên vợ chồng phải đứng ra vay tiền để trả, hàng tháng phải trả khoản tiền gốc, lãi lớn nên kinh tế trong gia đình ngày càng khó khăn dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng xảy ra nên chịTđến ở cùng con gái tại thành phố Ttừ tháng 12/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, chịTkhông còn quan tâm đến anh nên đã làm đơn ly hôn, anh xét thấy do tuổi đã cao nên vì các con anhkhông đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được quay trở về đoàn tụ.

Về con:Anh thống nhất anh và chị Tcó ba con chung như chị Ttrình bày, các cháu hiện nay đều đã trưởng thành, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Tkhởi kiện ly hôn anh Nguyễn Duy T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tvà anh Nguyễn Duy T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện Hcấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1995, như vậy hôn nhân giữa chị Tvà anh T1là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Tvà anh T1: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nợ nần về kinh tế dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còntiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị Tvẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm giữa chị với anh T1 thực sự không còn, anh

T1 không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng hòa giải, mặc dù anh T1không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian qua cũng không có biện pháp khắc phục được tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tvà anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chịT được ly hôn anh T1là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con*:* Chị Lê Thị Tvà anh Nguyễn Duy T1đều thống nhất có ba con chunglàNguyễn Thị C, sinh ngày 10/9/1995, Nguyễn Thị P, sinh ngày 03/01/2000 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/3/2005. Hiện nay cả ba cháu đều đã thành niên nên cả hai người đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị T, anh T1đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T.

Về hôn nhân: ChịLê Thị Tđược ly hôn anh Nguyễn Duy T1.

Về con chung: Các cháu đã thành niên, hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị Tphải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003869 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (Chị T đã nộp đủ).

*Quyền kháng cáo***:** Chị Lê Thị Tvà anh Nguyễn Duy T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;*

- UBND xã Hoằng Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Thị Nga